

Số **2614**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **04** tháng 11 năm 2019

UBND HUYỆN TRẦN YÊN

ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ:.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án xây dựng huyện Trần Yên đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trần Yên;

dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời hạn chế đầu tư lãng phí hoặc gây bất cập cho quá trình phát triển đô thị;

- Đề xuất các chương trình, dự án, dự kiến kinh phí và phân công các phòng ban liên quan tổ chức phối hợp tổ chức thực hiện;

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn tỉnh;

- Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phù hợp với bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của địa phương và cốt lõi là nâng cao chất lượng sống cho người dân;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đề án quy hoạch xây dựng, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

4. Phân vùng chức năng

4.1. Tiểu vùng 1: Vùng động lực chính của huyện, bao gồm: Thị trấn Cổ Phúc và các xã: Báo Đáp, Tân Đồng, Đào Thịnh, Việt Thành, Hòa Công, Minh Quán, Cường Thịnh, Nga Quán, Quy Mông, Y Can và Minh Tiến:

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng 194,72 km²;

- Dân số dự báo đến năm 2030 là 54.700 người, tầm nhìn 2050 là 68.100 người;

- Định hướng phát triển là vùng nông nghiệp, trồng dâu nuôi tằm, trồng chè, quê công nghệ cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, đổi mới, sáng tạo...;

4.2. Tiểu vùng 2: Vùng động lực hỗ trợ thứ cấp của huyện gồm 5 xã bao gồm: Kiên Thành, Lương Thịnh, Hồng Ca, Hưng Khánh và Hưng Thịnh;

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng 302,99 km²

- Dân số dự báo (năm 2030: 26.500 người, tầm nhìn 2050: 33.100 người)

- Định hướng phát triển là vùng trọng tâm trồng quế, măng Bát độ, chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

4.3. Tiểu vùng 3: Vùng động lực chính có tính đột phá của huyện bao gồm các xã: Bảo Hưng, Minh Quân, Việt Cường, Việt Hồng và Vân Hội;

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng 131,43 km²;

- Dân số dự báo (năm 2030: 18.800 người, tầm nhìn 2050: 23.800 người);

- Định hướng phát triển là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, thể dục thể thao; đổi mới, sáng tạo và Logistics..., là vùng chè chất lượng cao, du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, nuôi trồng thủy sản...

5. Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

5.1. Không gian tổng thể:

Căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên, thực tế phát triển, các định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện, các tác động của các dự án lớn quốc gia về phát triển hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, không gian huyện Trấn Yên được tổ chức cụ thể như sau:

đường Âu Cơ. Là trung tâm hỗ trợ các tiện ích công cộng, dịch vụ thương mại, du lịch, y tế, giáo dục, khoa học - công nghiệp, khởi nghiệp, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ hạ tầng, thúc đẩy sản xuất, kinh tế xã hội trong tiểu vùng 1;

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, thể dục thể thao, logistic tại khu vực nút giao IC12 đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai; Các vùng trồng chè chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản tại các xã Bảo Hưng, Việt Cường, Vân Hội...;

- Vùng phát triển du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử cách mạng tại các xã: Vân Hội, Minh Quân, Việt Hồng; Cửa ngõ có tính tiêu biểu về đổi mới, sáng tạo của tỉnh và thành phố Yên Bái; Các xã: Bảo Hưng, Việt Cường được đầu tư xây dựng thành xã nông thôn mới điển hình.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Dự kiến đến năm 2030 đất xây dựng đô thị khoảng 450ha; Đất xây dựng công nghiệp khoảng 1172ha; Đất xây dựng các khu du lịch khoảng 1000ha; Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 800ha.

7. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn

7.1. Định hướng phát triển đô thị:

- Dự kiến đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 24,0 – 26,0%; Năm 2050 đạt khoảng 32,5 - 40,0%.

- Tổng hợp dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn huyện Trấn Yên đến năm 2030: thị trấn Cổ Phúc là đô thị loại IV; hình thành và phát triển các đô thị: Hưng Khánh, Báo Đáp, Vân Hội là đô thị loại V.

- Về chất lượng đô thị:

+ Diện tích sàn nhà ở bình quân đối với các đô thị từ đạt từ đạt 23 m²/người trở lên; tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 75% trở lên;

+ Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt từ 20% trở lên; Tỷ lệ đất cây xanh đạt 15 m²/người với đối với thị trấn Cổ Phúc; 6 m²/người với đô thị loại V còn lại. Đất xây xanh công cộng khu vực nội thị các đô thị đạt 4-6 m²/người;

+ Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch và tiêu chuẩn cấp nước tại các đô thị đạt từ 90-100% và 120 lít/người/ngày đêm đối với thị trấn Cổ Phúc và đạt 70% và 90 lít/người/ngày đêm đối với các đô thị còn lại;

+ Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80-90% diện tích lưu vực thoát nước; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt khoảng 60%; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 90%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 90%;

+ Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng tại các đô thị đạt 90%.

7.2 Định hướng phát triển nông thôn:

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1221/2016/UBTVQH13 về diện tích, quy mô dân số phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể của từng xã trên địa bàn huyện;

xuất gắn với công nghiệp chế biến - dịch vụ du lịch và thị trường; Phát triển nông nghiệp đi đôi với xây dựng nông thôn mới...; Phát triển rừng trồng, khai thác gỗ nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu, kết hợp du lịch sinh thái, trồng rừng cảnh quan; Phát triển các vùng chuyên canh, dần từng bước dồn vùng, đổi thửa, tập trung đất đai, thay đổi tập quán canh tác nhỏ lẻ để từng bước chuyển đổi thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao;

- Phát triển, mở rộng các vùng cây công nghiệp dài ngày như chè, quế, dâu tằm và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (Các vùng chuyên canh tập trung chủ yếu như sau: Vùng chuyên canh lúa, vùng cây ăn quả có múi, vùng quế, vùng trồng măng Bát Độ, vùng dâu tằm).

9. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

9.1. Phân bố hệ thống dịch vụ thương mại:

- Duy trì trung tâm thương mại, chợ trung tâm tại đô thị Cổ Phúc, ngoài chức năng phục vụ dân đô thị, còn giữ vai trò cung cấp hàng hóa cho hệ thống thương mại khu vực và các xã;

- Xây mới, cải tạo để hình thành 3 trung tâm cấp khu vực để tạo thành trung tâm phân luồng tới các xã trong huyện: Trung tâm tại Tiểu vùng 1, tại đô thị Báo Đáp; trung tâm thương mại tiểu vùng 2 tại đô thị Hưng Khánh; trung tâm thương mại tại tiểu vùng 3 tại đô thị Vân Hội; Các xã, thị trấn có các trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện ích, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, hệ thống cửa hàng bán lẻ của các hộ cá thể.

9.2. Công trình y tế: Nâng cấp trung tâm y tế huyện, phát triển trung tâm y tế huyện đạt chuẩn hạng II, tầm nhìn 2050 sẽ phát triển trung tâm y tế huyện đạt chuẩn hạng I; Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm y tế xã.

9.3. Hệ thống giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng cơ sở đào tạo dạy nghề tại Cổ Phúc và tại trung tâm đổi mới, sáng tạo tại khu vực nút giao IC12, đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (khu vực xã Minh Quân, xã Bảo Hưng) để cung cấp lao động có tay nghề cao cho nhu cầu phát triển kinh tế của huyện và khu vực;

- Ổn định mạng lưới trường mầm non, phổ thông công lập hiện có, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa nhằm duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia tại 100% trường trên địa bàn huyện;

- Bổ sung quy hoạch các trường ngoài công lập và trường chất lượng cao tại các đô thị, các khu công nghiệp và vùng có điều kiện kinh tế, xã hội phát triển.

9.4. Hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao:

- Các công trình cấp huyện xây dựng tại đô thị Cổ Phúc, bao gồm: sân thể thao cơ bản (trong đó bao gồm sân bóng đá, bóng chuyền, bể bơi, nhà thi đấu đa năng và một số sân quần vợt...), nhà văn hóa, hội trường đa năng, nhà truyền thống, thư viện, triển lãm, câu lạc bộ thanh thiếu niên, công viên; Tại các đô thị trung tâm tiểu vùng (Báo Đáp, Hưng Khánh, Vân Hội) xây dựng nhà văn hóa, thư viện, sân thể thao, sân bóng chuyền, sân quần vợt và bể bơi; Tại trung tâm các xã xây dựng

- Đường sắt:

+ Khai thác hiệu quả tuyến đường sắt quốc gia phù hợp với các giai đoạn đầu tư cải tạo nâng cấp hiện đại hóa tuyến đường sắt (theo quy hoạch ngành) phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái nói chung và của huyện Trấn Yên nói riêng; Cải tạo nâng cấp các ga trên tuyến phục vụ hành khách và hàng hóa;

+ Xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Lào Cai, đoạn chạy qua huyện Trấn Yên, dự kiến hướng tuyến về phía Tây đường bộ cao tốc hiện hữu. Xây dựng ga Yên Bái phục vụ vận tải hàng hóa và hành khách tại xã Minh Quân. Hướng tuyến và vị trí ga cụ thể thực hiện theo quy hoạch và dự án chuyên ngành.

- Trung tâm tiếp vận Logistic: Xây dựng các trung tâm tiếp vận hàng hóa và hành khách giữa các phương thức vận tải: chuyển tải đường bộ và đường sắt; đường thủy và đường bộ; Xây dựng cảng cạn (ICD) tại khu vực xã Minh Quân.

- Công trình phục vụ giao thông:

+ Hệ thống bến, bãi đỗ xe: Xây dựng các bến xe tại các khu vực cửa ngõ, đầu mối giao thông bến xe Cổ Phúc, điểm trung chuyển Minh Quân, điểm trung chuyển Vân Hội và điểm trung chuyển Hưng Khánh. Xây dựng các bãi đỗ xe phục vụ cho các trung tâm thương mại dịch vụ, thể dục thể thao vui chơi giải trí, du lịch lớn trên địa bàn;

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống cầu trên các tuyến: Xây dựng cầu Cổ Phúc, kết nối các đường tỉnh với đường cao tốc; Cải tạo, Xây dựng các cầu trên các tuyến đường tỉnh và đường giao thông nông thôn phù hợp với các cấp hạng đường; Xây dựng các cầu vượt đường sắt hiện có và đường sắt dự kiến mới, trên tuyến đường nối cầu Cổ Phúc kết nối Đông - Tây;

+ Cải tạo kết hợp xây dựng 02 nút giao thông khác mức liên thông: Cải tạo nút giao IC12- N.01: Đường Âu cơ giao cắt với đường cao tốc; Đề xuất bổ sung xây mới nút giao Cổ Phúc - N.02: Kết nối trung tâm đô thị Cổ Phúc và các tuyến đường tỉnh ĐT163, ĐT166 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

10.2. Định hướng quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

a) Giải pháp quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- Giải pháp nền xây dựng:

+ Đô thị (hoặc khu vực) cải tạo: Xác định cao độ khống chế ứng với tần suất chống lũ theo cấp loại đô thị đồng thời phải hài hòa với cao độ nền xây dựng hiện trạng. Cần có giải pháp công trình trong trường hợp không có điều kiện cải tạo nền khu vực; Khu vực thị trấn Cổ Phúc cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq + (33,2 - 36,5)m$.

+ Khu vực đô thị xây mới: Khu đô thị Hưng Khánh cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq$ Mực nước cao nhất trung bình hàng năm suối mừng Hồng; Đô thị Báo Đáp cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq 31,0m$ đối với khu dân dụng; $H_{xd} \geq 32,0m$; Đô thị Vân Hội cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq 30,5m$;

+ Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư.

10.5. Định hướng thông tin liên lạc

- Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại khu vực thị trấn và các xã. Kết nối Internet băng rộng tới 100% các điểm, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

10.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:

a) Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

- Thoát nước thải sinh hoạt: Tại các khu vực đô thị xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (riêng biệt giữa nước mưa và nước thải); Tất cả các đối tượng xả nước thải cần xây dựng bể tự hoại đúng quy cách để xử lý nước thải tại chỗ trước khi xả ra cống thoát nước đưa về trạm xử lý; Đối với khu vực nông thôn: Xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải, thoát cùng một hệ thống cống); Xây dựng bể tự hoại đúng quy cách để xử lý nước thải tại chỗ trước khi xả ra cống thoát nước chung.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng trạm xử lý nước thải riêng cho các khu, cụm công nghiệp. Công suất phù hợp với lượng thải thu gom đã tính toán; Nước thải sau trạm xử lý cần đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn về môi trường.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 khoảng 194,2 tấn/ngày, đến năm 2050 khoảng 258,4 tấn/ng.

- Giải pháp quản lý: Chất thải rắn sinh hoạt phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn ngay tại nguồn; Tiếp tục sử dụng các cơ sở xử lý và bãi chôn lấp chất thải rắn hiện có đến hết diện tích;

- Chất thải rắn công nghiệp: Đối với các chất thải độc hại cần phải xử lý riêng, kí hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có giấy phép hoạt động;

- Chất thải rắn y tế: Chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và đưa đi xử lý bằng lò đốt tại trung tâm y tế huyện Trấn Yên, đảm bảo quy chuẩn môi trường hiện hành.

c) Quản lý nghĩa trang:

Sử dụng các nghĩa trang hiện có đến năm 2030. Đến năm 2050 mở rộng nghĩa trang tại khu vực các xã: Báo Đáp, Y Can - Minh Tiến, Hưng Khánh, Vân Hội với quy mô dự kiến từ 5ha đến 10ha.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; môi trường nước, đất; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên...;

- Phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;



m³/ngđ; Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị Hưng Khánh, công suất 380 m³/ngđ;

- Xây dựng mới trạm 110/35/22KV-40MVA Trấn Yên 1 và Trấn Yên 2; Xây dựng tuyến đường dây 110KV cấp điện cho 2 trạm 110KV xây dựng mới; Cải tạo các tuyến đường dây 35KV, 10KV thành 22KV; Xây dựng các trạm biến áp phân phối điện 22/0,4KV.

13. Thành phần hồ sơ.

Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ do Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thái Bình Dương lập (kèm theo) đã được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trấn Yên để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia kiểm tra, giám sát và thực hiện quy hoạch;

- Tổ chức triển khai lập chương trình phát triển các tiểu vùng, chương trình phát triển đô thị, nông thôn; từng bước triển khai các dự án ưu tiên đầu tư theo quy hoạch đã phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai và phát triển kinh tế - xã hội;

- Xây dựng quy định về quản lý đô thị, nông thôn, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn và các vùng chức năng theo quy hoạch đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Chánh VP, PCVP (TNMT);
- Lưu: VT, XD, TNMT, TH. *ngp*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

Đỗ Đức Duy